

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2022 tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ hội họp trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính về việc quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 8/04/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc bồi dưỡng, tập huấn; tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2022, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Công văn số 419/VPĐP-OCOP ngày 29/6/2022 của Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh về việc xin tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình 4274/STC-NSHX ngày 05/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí cho Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2022, cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí hỗ trợ: 3.140.940 nghìn đồng;

(Ba tỷ, một trăm bốn mươi triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng)

Trong đó:

- Kinh phí tuyên truyền: 539.320 nghìn đồng;
- Kinh phí đào tạo, tập huấn: 1.282.040 nghìn đồng;
- Tham quan, học tập kinh nghiệm: 198.500 nghìn đồng;
- Đánh giá phân hạng sản phẩm: 234.000 nghìn đồng;
- Kinh phí tư vấn triển khai chương trình: 307.400 nghìn đồng;
- Kinh phí quảng bá, xúc tiến thương mại: 315.680 nghìn đồng;
- Kinh phí chỉ đạo, quản lý, điều hành Chương trình: 264.000 nghìn đồng;

(Chi tiết phụ biểu kèm theo)

Kinh phí tham quan học tập kinh nghiệm: Dự toán tạm tính bình quân theo chế độ hiện hành, đơn vị triển khai thực hiện sau khi có chủ trương UBND tỉnh về thời gian và địa điểm tổ chức đoàn tham quan học tập kinh nghiệm.

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh năm 2022 hỗ trợ chính sách xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 5255/QĐUBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước thông báo bổ sung dự toán cho đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của nhà nước;

- Căn cứ nội dung và kinh phí được giao: Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Thông

tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; sử dụng nguồn kinh phí đúng mục tiêu và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/cáo);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM OCOP TỈNH THANH HÓA - ĐỢT 1, NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
1	Truyền thông, tuyên truyền	539.320.000	Biểu 1
2	Đào tạo, tập huấn	1.282.040.000	Biểu 2
3	Học tập, tham quan kinh nghiệm	198.500.000	Biểu 3
4	Đánh giá phân hạng sản phẩm	234.000.000	Biểu 4
5	Tư vấn triển khai chương trình	304.600.000	Biểu 5
6	Quảng bá, xúc tiến thương mại	315.680.000	Biểu 6
7	Chỉ đạo, quản lý, điều hành	264.000.000	Biểu 7
	Tổng cộng:	3.138.140.000	Dự toán tính bình quân, thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, định mức thực tế.

BIỂU 1: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TUYÊN TRUYỀN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
	Tuyên truyền và phát hành bản tin sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm OCOP					539.320.000	Dự toán tính bình quân, thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, định mức thực tế.
	Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông					347.320.000	
1	Xây dựng phóng sự, tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa.	Chuyên mục	09	10.000.000	09 chuyên mục x 10.000.000đ	90.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
2	Xây dựng phóng sự, tuyên truyền trên Đài truyền hình Trung ương.	Chuyên mục	1	80.000.000	01 chuyên mục x 80.000.000đ	80.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
3	Xây dựng chuyên mục truyền truyền trên Báo, bài viết, kèm theo 1,2 ảnh; mỗi tháng 1 bài viết + hình ảnh và các tin, ảnh liên quan.	Bài	16	4.000.000	16 bài x 4.000.000đ +40.000.000đ	104.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
-	Xây dựng bài viết truyền truyền trên Báo viết	Bài	16	4.000.000	16 bài x 4.000.000đ	64.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
-	Xây dựng chuyên mục truyền truyền trên Báo điện tử	Năm	1	40.000.000	Trọn gói	40.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp

4	Xây dựng tin bài, hình ảnh, cập nhật nội dung thông tin, quản trị trang website OCOP: www.oco tinh thanh hoa.com.vn (Ban quản trị trang website: 5 người)	Người	5	200.000	12 tháng x 05 người x 200.000đ/tháng	12.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
5	Chi phí thuê Webhost trang web OCOP: oco tinh thanh hoa.com.vn	Năm	01	1.320.000	01 năm x 1.320.000,đ	1.320.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
6	Biên tập nội dung, thiết kế Chương trình, xây dựng kịch bản và chạy quảng bá Chương trình trên fanpage OCOP Thanh Hóa (số lượng chạy quảng cáo 10 ngày/tháng)	Tháng	6	10.000.000	06 tháng x 10.000.000,đ/tháng	60.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
II	Kinh phí biên tập, phát hành Bản tin sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm OCOP tỉnh (thực hiện 02 số/năm)					192.000.000	
1	In bản tin (30 cuốn gửi cấp tỉnh và 465 gửi cấp xã)	Cuốn	495	200.000	495 x 200.000đ/cuốn	99.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
2	Điều tra, khảo sát, đánh giá sản phẩm, kết quả sản xuất, thị trường và tiêu thụ sản phẩm OCOP (bao gồm xăng dầu đi lại, công tác phí...)	Sản phẩm	120	400.000	120 SP x 400.000đ/SP	48.000.000	<i>Theo thực tế</i>
3	Kinh phí Ban biên tập, ảnh (thiết kế, dựng cảnh, bố cục, nội dung ảnh).	Sản phẩm	120	300.000	120 SP x 300.000đ/SP	36.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
4	Chuyển phát qua bưu điện			9.000.000	Tạm tính	9.000.000	<i>Theo thực tế</i>

BIỂU 2: DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN CHƯƠNG TRÌNH*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị tính đồng*

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng (I+II+III)					1.282.040.000	
I	Tập huấn cho chủ thể OCOP (DN, THT, HTX, hộ sản xuất kinh doanh). Số lượng: 3 lớp, mỗi lớp 5 ngày, 50 người/lớp). Địa điểm: Sầm Sơn. Dự kiến: Doanh nghiệp: 45 người, HTX: 45 người; Hộ KD: 50 người; THT: 10 người.	Lớp	03			706.200.000	Dự toán tính bình quân, thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, định mức thực tế.
*	Chi phí tổ chức 01 lớp	Lớp	01			235.400.000	
I	Chi giảng viên					24.700.000	
-	Thù lao cho giảng viên (bao gồm cả biên soạn giáo án bài giảng) (02 người x 5 ngày)	Ngày	5	2.000.000	02 người x 5 ngày x 2.000.000,đ/buổi	20.000.000	TT36/2018/TT-BTC
-	Tiền thuê phòng ngủ cho giảng viên (02 người)	Đêm	4	350.000	02 người x 4 đêm x 350.000,đ	2.800.000	
-	Tiền ăn cho giảng viên (02 người)	Ngày	5	150.000	02 người x 5 ngày x 150.000,đ	1.500.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền nước uống cho giảng viên (02 người)	Ngày	5	40.000	02 người x 5 ngày x 40.000,đ	400.000	
2	In, ấn tài liệu, vật tư Văn phòng phẩm:					5.500.000	
-	In, ấn tài liệu	Bộ	50	80.000	50 bộ x 80.000,đ/bộ	4.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
-	Vật tư văn phòng phẩm	Bộ	50	30.000	50 bộ x 30.000,đ/bộ	1.500.000	
3	Chi hỗ trợ học viên:					140.000.000	TT 40/2017/TT-BTC

-	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương từ NSNN (HTX, THT, Hộ SX-KD) (Tổ chức ăn tập trung)	Người	50	200.000	50 người x 05 ngày x 200.000,đ	50.000.000	nt
-	Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên không hưởng lương từ NSNN (HTX, THT, Hộ SX-KD)	Người	50	200.000	50 người x 200.000,đ	10.000.000	nt
-	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên không hưởng lương từ NSNN (HTX, THT, Hộ SX-KD)	Người	50	350.000	50 người x 04 đêm x 350.000,đ	70.000.000	nt
-	Nước uống	người	50	40.000	50 người x 5 ngày x 40.000,đ	10.000.000	nt
4	Chi quản lý lớp					14.000.000	
-	Phụ cấp lưu trú (05 người x 05 ngày)	Người	05	200.000	05 người x 05 ngày x 200.000,đ	5.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền thuê phòng nghỉ (05 người x 04 đêm)	Người	05	350.000	05 người x 04 đêm x 350.000,đ	7.000.000	nt
-	Xăng dầu, tàu xe (05 người)	Người	05	200.000	05 người x 200.000,đ	1.000.000	nt
-	Nước uống (05 người x 05 ngày)	người	05	40.000	05 người x 05 ngày x 40.000,đ	1.000.000	nt
4	Chi phí mở lớp					51.200.000	
	Ma kết, biển tên, biển chỉ dẫn, hoa trang trí hội trường.	Lớp	01	2.000.000	01 lớp x 2.000.000,đ	2.000.000	TT 36/2018/TT-BTC
	Khen thưởng học viên	Người	10	200.000	10 người x 200.000,đ	2.000.000	nt
-	Chi phí khác (Tặng quà nơi đến tham quan)	Điểm	02	5.000.000	02 điểm x 5.000.000,đ	10.000.000	nt
-	Xăng xe, phương tiện đưa đón giảng viên	Lượt	6	200.000	06 lượt x 200.000,đ	1.200.000	nt

-	Thuê xe đưa đón học viên đi thực tế ngoài tỉnh (02 ngày)	Xe	02	6.000.000	02 xe x 02 ngày x 6.000.000,đ	24.000.000	nt
-	Thuê hội trường, loa, đài phục vụ	Ngày	05	2.000.000	05 ngày x 2.000.000,đ	10.000.000	nt
-	Chi khác (Khai giảng, bế giảng và chi khác phát sinh...)	Lớp	01	2.000.000	01 lớp x 2.000.000,đ	2.000.000	Theo thực tế
II	Tập huấn cho cán bộ quản lý, thực hiện Chương trình OCOP cấp huyện, xã (02 lớp, mỗi lớp 5 ngày, 50 người/lớp; cấp huyện: 27 người; cấp xã: 73 người). Địa điểm: Sầm Sơn.	Lớp	2			470.800.000	
*	Chi phí tổ chức 01 lớp	Lớp	01			235.400.000	
I	Chi giảng viên					24.700.000	
-	Thù lao cho giảng viên (bao gồm cả biên soạn giáo án bài giảng) (02 người x 5 ngày)	Ngày	5	2.000.000	02 người x 5 ngày x 2.000.000,đ	20.000.000	TT36/2018/TT-BTC
-	Tiền thuê phòng ngủ cho giảng viên (02 người)	Đêm	4	350.000	02 người x 4 đêm x 350.000,đ	2.800.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền ăn cho giảng viên (02 người)	Ngày	5	150.000	02 người x 5 ngày x 150.000,đ	1.500.000	
-	Tiền nước uống cho giảng viên (02 người)	Ngày	5	40.000	02 người x 5 ngày x 40.000,đ	400.000	
2	In, ấn tài liệu, vật tư Văn phòng phẩm:					5.500.000	
-	In, ấn tài liệu	Bộ	50	80.000	50 bộ x 80.000,đ/bộ	4.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
-	Vật tư văn phòng phẩm	Bộ	50	30.000	50 bộ x 30.000,đ/bộ	1.500.000	
3	Chi hỗ trợ học viên:					140.000.000	TT 40/2017/TT-BTC
-	Phụ cấp lưu trú	Người	50	200.000	50 người x 05 ngày x 200.000,đ	50.000.000	nt

-	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên	Người	50	350.000	50 người x 04 ngày x 350.000,đ	70.000.000	nt
-	Hỗ trợ xăng xe cho học viên	Người	50	200.000	50 người x 200.000,đ	10.000.000	nt
-	Nước uống	người	50	40.000	50 người x 05 ngày x 40.000,đ	10.000.000	nt
4	Chi quản lý lớp					14.000.000	
-	Phụ cấp lưu trú (05 người x 05 ngày)	Người	05	200.000	05 người x 05 ngày x 200.000,đ	5.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền thuê phòng nghỉ (05 người x 04 đêm)	Người	05	350.000	05 người x 04 đêm x 350.000,đ	7.000.000	nt
-	Hỗ trợ xăng dầu, tàu xe (05 người)	Người	05	200.000	05 người x 200.000,đ	1.000.000	nt
-	Nước uống (05 người x 05 ngày)	người	05	40.000	05 người x 05 ngày x 40.000,đ	1.000.000	nt
5	Chi phí mở lớp					51.200.000	
-	Ma kết, biển tên, biển chỉ dẫn, hoa trang trí hội trường.	Lớp	01	2.000.000	01 lớp x 2.000.000,đ	2.000.000	TT 36/2018/TT-BTC
	Khen thưởng học viên	Người	10	200.000	10 người x 200.000,đ	2.000.000	
-	Chi phí khác (Tặng quà nơi đến tham quan)	Điểm	02	5.000.000	02 điểm x 5.000.000,đ	10.000.000	nt
-	Xăng xe, phương tiện đưa đón giảng viên.	Lượt	6	200.000	06 lượt x 200.000,đ	1.200.000	nt
-	Thuê xe đưa đón học viên đi thực tế ngoài tỉnh (02 ngày)	Xe	02	6.000.000	02 xe x 02 ngày x 6.000.000,đ	24.000.000	nt
-	Thuê hội trường, loa, đài phục vụ	Ngày	05	2.000.000	05 ngày x 2.000.000,đ	10.000.000	nt
-	Chi khác (Khai giảng, bế giảng và chi khác phát sinh)	Lớp	01	2.000.000	01 lớp x 2.000.000,đ	2.000.000	Theo thực tế

III	Tập huấn cho đối tượng tư vấn Chương trình OCOP (Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện 27 người; Đại học Hồng Đức 5 người; Viện Nông nghiệp 2 người; Công ty tư vấn độc lập 6 người (01 lớp, 3 ngày, 34 người/lớp).					105.040.000	
1	Chi giảng viên					14.540.000	
+	Thù lao cho giảng viên (bao gồm cả biên soạn giáo án bài giảng) (02 người x 3 ngày)	Ngày	3	2.000.000	02 người x 3 ngày x 2.000.000,đ	12.000.000	TT36/2018/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng ngủ cho giảng viên (02 người)	Đêm	2	350.000	02 người x 2 đêm x 350.000,đ	1.400.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
+	Tiền ăn cho giảng viên (02 người)	Ngày	3	150.000	02 người x 3 ngày x 150.000,đ	900.000	
+	Tiền nước uống cho giảng viên (02 người)	Ngày	3	40.000	02 người x 3 ngày x 40.000,đ	240.000	
2	In, ấn tài liệu, vật tư Văn phòng phẩm:					4.400.000	
-	In, ấn tài liệu	Bộ	40	80.000	40 bộ x 80.000,đ/bộ	3.200.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
-	Vật tư văn phòng phẩm	Bộ	40	30.000	40 bộ x 30.000,đ/bộ	1.200.000	
3	Chi hỗ trợ học viên:					64.800.000	TT 40/2017/TT-BTC
-	Phụ cấp lưu trú (03 ngày)	Người	40	200.000	40 người x 03 ngày x 100.000,đ	24.000.000	nt
-	Hỗ trợ tiền ngủ học viên (02 đêm)	Người	40	350.000	40 người x 02 đêm x 350.000,đ	28.000.000	nt
-	Hỗ trợ xăng xe đi lại cho học viên	Người	40	200.000	40 người x 200.000,đ	8.000.000	nt

-	Nước uống	người	40	40.000	40 người x 03 ngày x 40.000,đ	4.800.000	nt
4	Chi quản lý lớp					8.100.000	
-	Công tác phí (05 người x 03 ngày)	Người	05	200.000	05 người x 03 ngày x 200.000,đ	3.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền thuê phòng nghỉ (05 người x 02 đêm)	Người	05	350.000	05 người x 02 đêm x 350.000,đ	3.500.000	nt
-	Xăng dầu, tàu xe (05 người)	Người	05	200.000	05 người x 200.000,đ	1.000.000	nt
-	Nước uống (05 người x 03 ngày)	người	05	40.000	05 người x 03 ngày x 40.000,đ	600.000	nt
5	Chi phí mở lớp					13.200.000	
-	Ma kết, biển tên, biển chỉ dẫn, hoa trang trí hội trường.	Lớp	01	2.000.000	01 lớp x 2.000.000,đ	2.000.000	TT 36/2018/TT-BTC
-	Khen thưởng học viên	Người	10	200.000	10 người x 200.000,đ	2.000.000	nt
-	Xăng xe, phương tiện đưa đón giảng viên.	Lượt	6	200.000	06 lượt x 200.000,đ	1.200.000	nt
-	Thuê hội trường, loa, đài phục vụ	Ngày	03	2.000.000	03 ngày x 2.000.000,đ	6.000.000	nt
-	Chi khác (Khai giảng, bế giảng và chi khác phát sinh)	Lớp	01	2.000.000	01 lớp x 2.000.000,đ	2.000.000	Theo thực tế

* **Ghi chú:** Nội dung các chuyên đề tập huấn:

I Tập huấn cho chủ thể OCOP

- 1 Tổng quan Chương trình OCOP
- 2 Quản lý sản phẩm và chất lượng sản phẩm; Tổ chức xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP
- 3 Xác định tiềm năng, xây dựng, phát triển ý tưởng, đánh giá tính khả thi sản phẩm. Chuẩn hóa và phát triển sản phẩm theo tiêu chuẩn OCOP
- 4 Hướng dẫn xây dựng hồ sơ đánh giá sản phẩm và viết câu chuyện sản phẩm
- 5 “Hướng dẫn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp và một số quy định về nhãn hàng hóa”
- 6 Xây dựng phương án/dự án sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP

II Tập huấn cho cán bộ quản lý CT OCOP

- 1 Tổng quan Chương trình OCOP
- 2 Quản lý sản phẩm và chất lượng sản phẩm OCOP; Tổ chức xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm OCOP
- 3 Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình OCOP và đánh giá tiềm năng, tính khả thi sản phẩm OCOP
- 4 Hướng dẫn xây dựng hồ sơ đánh giá sản phẩm OCOP
- 5 “Hướng dẫn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp và một số quy định về nhãn hàng hóa”
- 6 Tiếp nhận và đánh giá phương án/dự án sản xuất kinh doanh

II Tập huấn cho cán bộ tư vấn CT OCOP

- 1 Tổng quan Chương trình OCOP
- 2 Quản lý sản phẩm và chất lượng sản phẩm OCOP; Tổ chức xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm OCOP
- 3 Xác định tiềm năng, xây dựng và phát triển ý tưởng, đánh giá tính khả thi sản phẩm OCOP
- 4 Chuẩn hóa và phát triển sản phẩm theo tiêu chuẩn OCOP
- 5 Hướng dẫn xây dựng hồ sơ đánh giá sản phẩm và viết câu chuyện sản phẩm
- 6 “Hướng dẫn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp và một số quy định về nhãn hàng hóa”

BIỂU 3: DỰ TOÁN KINH PHÍ THAM QUAN TRAO SẴI KINH NGHIỆM VÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM OCOP CỦA TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

DVT: Đồng

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
	Tham quan kinh nghiệm trong nước (tại các tỉnh đã triển khai chương trình OCOP tiêu biểu)					198.500.000	Dự toán tính bình quân, thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, định mức thực tế (đơn vị thực hiện sau khi có chủ trương của UBND tỉnh đồng ý về thời gian và địa điểm tổ chức đoàn tham quan học tập kinh nghiệm).
I	Tham quan học tập tại các tỉnh miền Bắc: Đối tượng: cán bộ các Sở, Ban ngành và các huyện, Thị xã, Thành phố.					99.250.000	
1	Số người tham gia/chuyến	Người	25				
2	Thời gian tham quan/chuyến	Ngày	4				
3	Chi tiết nội dung chi:					99.250.000	
-	Phụ cấp lưu trú (04 ngày)	Người	25	200.000	25 người x 200.000,đ x 04 ngày	20.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền thuê ngủ (03 đêm)	Người	25	350.000	25 người x 350.000,đ x 03 đêm	26.250.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND

-	Tiền nước uống (04 ngày)	Người	25	40.000	25 người x 40.000,đ x 04 ngày	4.000.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
-	Tiền thuê xe (04 ngày)	Xe	01	6.000.000	01 xe x 6.000.000,đ x 4 ngày	24.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
-	Mua sản phẩm OCOP làm quà tặng, giới thiệu quảng bá	Điểm	03	5.000.000	03 x 5.000.000,đ/điểm	15.000.000	<i>Theo thực tế</i>
-	Chi phí khác (Bảo hiểm, thuốc y tế, khác.....)	Chuyến	01	10.000.000	10.000.000,đ/chuyến	10.000.000	<i>Theo thực tế</i>
II	Tham quan học tập tại các tỉnh miền Trung: Đối tượng: cán bộ Sở, ban ngành và các huyện, Thị xã, Thành phố.					99.250.000	
1	Số người tham gia/chuyến	Người	25				
2	Thời gian tham quan/chuyến	Ngày	4				
3	Chi tiết nội dung chi:					99.250.000	
-	Phụ cấp lưu trú (04 ngày)	Người	25	200.000	25 người x 200.000,đ x 4 ngày	20.000.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
-	Tiền thuê ngủ (03 đêm)	Người	25	350.000	25 người x 350.000,đ x 3 đêm	26.250.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
-	Tiền nước uống (04 ngày)	Người	25	40.000	25 người x 40.000,đ x 4 ngày	4.000.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>

-	Tiền thuê xe (04 ngày)	Xe	01	6.000.000	01 xe x 6.000.000,đ x 4 ngày	24.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
-	Mua sản phẩm OCOP làm quà tặng, giới thiệu quảng bá	Điểm	03	5.000.000	03 x 5.000.000,đ/điểm	15.000.000	<i>Theo thực tế</i>
-	Chi phí khác (Bảo hiểm, thuốc y tế, khác.....)	Chuyến	01	10.000.000	10.000.000,đ/chuyến	10.000.000	<i>Theo thực tế</i>

BIỂU 4: DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÁNH GIÁ PHÂN HẠNG SẢN PHẨM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Diễn giải	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Triển khai chu trình OCOP					234.000.000	Dự toán tính bình quân, thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, định mức thực tế.
I	Chi phí công tác đánh giá và phân hạng sản phẩm cấp tỉnh	Hội nghị	2			234.000.000	
1	Chi phí cho hội đồng thẩm định và tổ giúp việc nghiên cứu, đánh giá hồ sơ sản phẩm của các chủ thể.					168.000.000	
-	Chi phí cho hội đồng thẩm định, nghiên cứu, đánh giá hồ sơ sản phẩm của các chủ thể (10 người x 80 hồ sơ sản phẩm).	Hồ sơ	80	100.000	10 người x 80 hồ sơ x 100.000,đ	80.000.000	Thông tư số 03/2019/TT-BTC
-	Chi phí cho tổ giúp việc nghiên cứu, đánh giá hồ sơ sản phẩm của các chủ thể (11 người x 80 hồ sơ sản phẩm).	Hồ sơ	80	100.000	11 người x 80 hồ sơ x 100.000,đ	88.000.000	Thông tư số 03/2019/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức hội nghị: Địa điểm tại hội trường Văn phòng UBND tỉnh hoặc hội trường của Sở NN&PPNT.		2			26.000.000	
*	Chi phí tổ chức 01 hội nghị		01			13.000.000	
2.1	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	100	50.000	100 bộ x 50.000,đ	5.000.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
2.2	Tiền nước uống	Người	100	40.000	100 người x 40.000,đ	4.000.000	
2.3	Ma kết, biển tên, biển chỉ dẫn, trang trí hội trường.	Hội nghị	01	4.000.000	01 HN x 4.000.000,đ	4.000.000	

3	Chi phí in ấn, làm khung kính giấy chứng nhận sản phẩm OCOP	Cái	80	500.000	80 cái x 500.000,đ	40.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
---	---	-----	----	---------	--------------------	------------	-------------------------------------

BIỂU 5: DỰ TOÁN KINH PHÍ TƯ VẤN CHƯƠNG TRÌNH*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị tính đồng*

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng ngày	Số lượng người	Đơn vị tính (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Tổng					304.600.000	
	Tư vấn, hướng dẫn các chủ thể có sản phẩm OCOP 4 sao cấp tỉnh tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP 5 sao					304.600.000	<i>Nâng cao năng lực quản trị của các chủ thể OCOP, các chủ thể có bộ hồ sơ hoàn chỉnh để đề nghị đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp Trung ương</i>
1	Đánh giá thực trạng doanh nghiệp; tư vấn quản trị, chiến lược phát triển cho các chủ thể để lựa chọn 02 sản phẩm OCOP 4 sao cấp tỉnh đủ điều kiện đề nghị nâng hạng 5 sao, thời gian thực hiện 6 ngày/sản phẩm					45.600.000	
1,1	Khảo sát đánh giá thực trạng và lựa chọn doanh nghiệp tham gia sản phẩm OCOP 5 sao					22.800.000	<i>Chuyên gia xây dựng bộ công cụ đánh giá doanh nghiệp (01 ngày); Tiến hành đánh giá thực tế tại doanh nghiệp (mỗi DN 01 ngày/04 DN được khảo sát); Viết báo cáo đánh giá thực trạng doanh nghiệp làm căn cứ cho các hỗ trợ tiếp theo của chương trình dành cho DN (01 ngày)</i>
-	Tiền lương chuyên gia mức tham gia khảo sát	ngày	6	1	1.800.000	10.800.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
-	Tiền lương chuyên gia mức 3	ngày	6	1	900.000	5.400.000	
-	Chi phí đi lại	lượt	3	1	1.500.000	4.500.000	<i>Chi theo giá thực tế</i>
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	3	2	350.000	2.100.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
1,2	Tư vấn quản trị và xây dựng chiến lược sản phẩm cho doanh nghiệp được lựa chọn (6 ngày/02 sản phẩm)					22.800.000	
-	Tiền lương chuyên gia mức tham gia khảo sát	ngày	6	1	1.800.000	10.800.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>

-	Tiền lương chuyên gia mức 3	ngày	6	1	900.000	5.400.000	
-	Chi phí đi lại	lượt	3	1	1.500.000	4.500.000	<i>Chi theo giá thực tế</i>
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	3	2	350.000	2.100.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
2	Tư vấn về các quy định, tiêu chuẩn về xuất khẩu cho 02 sản phẩm tiềm năng 5 sao, thời gian thực hiện 6 ngày/sản phẩm					45.600.000	<i>Rà soát, hệ thống các quy định, tiêu chuẩn về xuất khẩu 01 ngày; Rà soát thực trạng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về xuất khẩu của chủ thể 01 ngày; Viết báo cáo kết quả rà soát 01 ngày; Tư vấn, đào tạo cho chủ thể các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các bước thực hiện xuất khẩu sản phẩm 03 ngày.</i>
-	Tiền lương chuyên gia mức 1	ngày	12	1	1.800.000	21.600.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
-	Tiền lương chuyên gia mức 3	ngày	12	1	900.000	10.800.000	
-	Chi phí đi lại	lượt	6	1	1.500.000	9.000.000	<i>Chi theo giá thực tế</i>
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	6	2	350.000	4.200.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
3	Tư vấn về phát triển mẫu mã bao bì, xây dựng quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn quốc tế cho 02 sản phẩm tiềm năng 5 sao, thời gian thực hiện 6 ngày/sản phẩm					45.600.000	<i>Làm việc với chủ thể để hiểu thực tế sản phẩm và mong muốn của chủ thể đối với bao bì, nhân mức 01 ngày; Tư vấn cho chủ thể hiểu quy định về bao bì, nhân mức theo chuẩn quốc tế 1 ngày; Thiết kế bao bì sản phẩm, in thử mẫu mã mới; và hoàn thiện mẫu mã 03 ngày.</i>
-	Tiền lương chuyên gia mức 1	ngày	12	1	1.800.000	21.600.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
-	Tiền lương chuyên gia mức 3	ngày	12	1	900.000	10.800.000	
-	Chi phí đi lại	lượt	6	1	1.500.000	9.000.000	<i>Chi theo giá thực tế</i>
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	6	2	350.000	4.200.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>

4	Tư vấn chiến lược quảng bá, xúc tiến thương mại điện tử cho 02 sản phẩm tiềm năng 5 sao, thời gian thực hiện 8 ngày/sản phẩm					60.800.000	
4,1	Tư vấn làm việc trực tiếp với chủ thể và các phòng ban marketing của chủ thể để cùng xây dựng kế hoạch quảng bá xúc tiến thương mại cho 02 sản phẩm (04 ngày/sản phẩm)					30.400.000	
-	Tiền lương chuyên gia mức 1	ngày	8	1	1.800.000	14.400.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
-	Tiền lương chuyên gia mức 3	ngày	8	1	900.000	7.200.000	
-	Chi phí đi lại	lượt	4	1	1.500.000	6.000.000	<i>Chi theo giá thực tế</i>
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	4	2	350.000	2.800.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
4,2	Tư vấn viết báo cáo và hỗ trợ chủ thể hoàn thiện kế hoạch quảng bá, marketing sản phẩm (04 ngày/sản phẩm)					30.400.000	
-	Tiền lương chuyên gia mức 1	ngày	8	1	1.800.000	14.400.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
-	Tiền lương chuyên gia mức 3	ngày	8	1	900.000	7.200.000	
-	Chi phí đi lại	lượt	4	1	1.500.000	6.000.000	<i>Chi theo giá thực tế</i>
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	4	2	350.000	2.800.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
5	Tư vấn hoàn thiện câu chuyện sản phẩm đạt tiêu chí bắt buộc 5 sao cho 02 sản phẩm tiềm năng, thời gian thực hiện 8 công/sản phẩm					60.800.000	
5,1	Tư vấn làm việc trực tiếp với chủ thể để lấy nguyên liệu xây dựng câu chuyện sản phẩm (04 ngày/sản phẩm)					30.400.000	
-	Tiền công chuyên gia mức 1	công	8	1	1.800.000	14.400.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>

-	Tiền công chuyên gia mức 3	công	8	1	900.000	7.200.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
-	Chi phí đi lại	lượt	4	1	1.500.000	6.000.000	<i>Chi theo giá thực tế</i>
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	4	2	350.000	2.800.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
5,2	Tư vấn viết báo cáo và xây dựng câu chuyện sản phẩm; đào tạo nội bộ cho chủ thể về ý nghĩa và các hoàn cảnh có thể ứng dụng câu chuyện sản phẩm để thúc đẩy hiệu quả cho các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại. (04 ngày/ sản phẩm)					30.400.000	
	Tiền công chuyên gia mức 1	công	8	1	1.800.000	14.400.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
	Tiền công chuyên gia mức 3	công	8	1	900.000	7.200.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
-	Chi phí đi lại	lượt	4	1	1.500.000	6.000.000	<i>Chi theo giá thực tế</i>
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	4	2	350.000	2.800.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
6	Tư vấn tham dự các hội nghị cấp tỉnh, cấp trung ương 02 người/HN (05 Hội nghị) 2 sản phẩm. Tại Thanh Hóa 3 HN; Tại Hà Nội 02 HN					46.200.000	
-	Tiền công chuyên gia mức 1	công	10	1	1.800.000	18.000.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
-	Tiền công chuyên gia mức 3	công	10	1	900.000	9.000.000	<i>Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH</i>
-	Chi phí đi lại	lượt	10	1	1.500.000	15.000.000	<i>Chi theo giá thực tế</i>
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	6	2	350.000	4.200.000	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>

BIỂU 6: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ QUẢNG BÁ SẢN PHẨM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính đồng

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Căn cứ
	Tổng cộng:					315.680.000	Dự toán tính bình quân, thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, định mức thực tế.
I	Trung bày và giới thiệu sản phẩm OCOP tại các hội nghị, hội thảo, hội chợ trong tỉnh (01 Hội nghị) (Địa điểm: Thị trấn Triệu Sơn; Nội dung: Trung bày, giới thiệu sản phẩm OCOP tại Lễ công bố các huyện: Triệu Sơn, Nông Cống, Thiệu Hóa. Thời gian: 05 ngày)	Lần	1			58.780.000	Thực hiện tháng 4/2022
*	Chi tiết kinh phí cho 01 Hội nghị:	Lần	01			58.780.000	
1	Kinh phí chi cho cán bộ đi các địa phương thu thập sản phẩm và mua thêm một số sản phẩm tham gia trưng bày Hội chợ	Gian	06			29.500.000	
-	Công tác phí cho cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa (03 người x 4 ngày)	Người x Ngày	12	200.000	03 người x 4 ngày x 200.000,đ	2.400.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Thuê xe ô tô chở cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa tại các địa phương (02 chuyến x 02 ngày/chuyến)	Chuyến	2	5.000.000	02 chuyến x 5.000.000,đ	10.000.000	Theo thực tế

-	Thuê phòng ngủ cho cán bộ đi gom và trả sản phẩm, hàng hóa tại các địa phương (03 người x 02 đêm)	Người x Đêm	6	350.000	03 người x 02 đêm x 350.000,đ	2.100.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Chi phí mua các sản phẩm OCOP trưng bày, giới thiệu, chào mời ăn thử và làm quà tặng cho đại biểu Trung ương và các tỉnh bạn; Bù sản phẩm hết hạn, hư hỏng do vận chuyển, trưng bày.	HN	01	15.000.000	01 hội nghị x 15.000.000,đ	15.000.000	Theo thực tế
2	Kinh phí thuê gian hàng, trang trí, kê trưng bày sản phẩm, thuê xe vận chuyển sản phẩm hàng hóa và các điều kiện tại hội chợ					22.000.000	
-	Thuê kê, thuê giá phục vụ trưng bày sản phẩm	Bộ	06	500.000	06 bộ x 500.000,đ	3.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
-	Trang trí gian hàng: Làm makét, các câu khẩu hiệu, lô gô sản phẩm)	Gian	06	1.500.000	06 gian x 1.500.000,đ	9.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
-	Thuê xe ô tô tải vận chuyển, bốc xếp hàng hóa từ Sở Nông nghiệp đến nơi tổ chức hội chợ và ngược lại	Chuyển	2	2.000.000	02 chuyển x 2.000.000,đ	4.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
-	Chi khác: (Khay, đĩa, lẵng, hoa tươi, khăn trải bàn và dụng cụ phục vụ trang trí và trưng bày sản phẩm.....)	Gian	06	1.000.000	06 gian x 1.000.000,đ	6.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
3	Kinh phí chi cho cán bộ Văn phòng Điều phối trực tiếp đi tham gia trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại Hội nghị (trực gian hàng, hỗ trợ tiền ăn, nghỉ). Số lượng 04 người, thời gian 02 ngày.					7.280.000	

-	Phụ cấp lưu trú (4 người x 3 ngày)	Ngày	3	200.000	04 người x 03 ngày x 200.000,đ	2.400.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Nước uống (4 người x 3 ngày)	Ngày	3	40.000	04 người x 3 ngày x 40.000,đ	480.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Thuê tiền ngủ khoán (4 người x 2 đêm)	Đêm	2	300.000	04 người x 2 đêm x 300.000,đ	2.400.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Chi phí khác phát sinh trong quá trình thực hiện tham gia Hội chợ...	Hội chợ	01	2.000.000	01 hội chợ x 2.000.000,đ	2.000.000	Theo thực tế
II	Tổ chức Hội chợ sản phẩm OCOP tỉnh Thanh Hóa tại TP Thanh Hóa (Thời gian: 5 ngày)					122.000.000	
1	Thuê gian hàng; trang trí gian hàng: Làm maket treo phía trên và các cột gian hàng (ma kết in tên, các câu khẩu hiệu, hình ảnh), làm bằng khung, bạt, in hifi. Kích thước maket; maket ốp (12 gian)	Gian	12	7.000.000	12 gian x 7.000.000đ	84.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
2	Thuê giá kệ phục vụ trưng bày sản phẩm (02 bộ x 12 gian)	Bộ	24	500.000	24 bộ x 500.000đ	12.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
3	Thuê loa đài, tivi tuyên truyền quảng bá các sản phẩm OCOP	Ngày	5	1.000.000	01 bộ x 05 ngày x 1.000.000đ	5.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
4	Chi phí cho cán bộ quản lý					6.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Phụ cấp lưu trú (5 ngày x 05 người)	Ngày	5	200.000	5 ngày x 05 người x 200.000đ	5.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Nước uống (5 ngày x 05 người)	Ngày	5	40.000	05 ngày x 05 người x 40.000đ	1.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
6	Chi phí mua các sản phẩm OCOP mời dùng thử; giới thiệu, làm quà tặng đại biểu.	HN	01	15.000.000	01 hội nghị x 15.000.000,đ	15.000.000	Theo thực tế

III	Tổ chức Hội chợ sản phẩm OCOP tỉnh Thanh Hóa tại TP Sầm Sơn (Thời gian: 5 ngày; Địa điểm: Phố đi bộ, đường Thanh Niên. Nội dung: Giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP tại Lễ kỷ niệm 115 du lịch Sầm Sơn, 5 năm thành lập TP Sầm Sơn)					134.900.000	Đã thực hiện từ ngày 29/4-03/5/2022
1	Thuê gian hàng; trang trí gian hàng: Làm maket treo phía trên và các cột gian hàng (ma kết in tên, các câu khẩu hiệu, hình ảnh), làm bằng khung, bạt, in hifi. Kích thước maket; maket ốp (12 gian)	Gian	12	7.000.000	12 gian x 7.000.000đ	84.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
2	Thuê giá kệ phục vụ trưng bày sản phẩm (02 bộ x 12 gian)	Bộ	24	500.000	24 bộ x 500.000đ	12.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
3	Thuê loa đài, tivi tuyên truyền quảng bá các sản phẩm OCOP	Ngày	5	1.000.000	01 bộ x 05 ngày x 1.000.000đ	5.000.000	<i>Theo báo giá đơn vị cung cấp</i>
4	Chi phí cho cán bộ quản lý					15.000.000	Theo thực tế
-	Phụ cấp công tác phí (5 ngày x 05 người)	Ngày	5	200.000	5 ngày x 05 người x 200.000đ	5.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Thuê phòng nghỉ (04 đêm x 05 người)	Đêm	4	350.000	04 đêm x 05 người x 350.000đ	7.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Nước uống (05 ngày x 05 người)	Ngày	5	40.000	05 ngày x 05 người x 40.000đ	1.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ tiền xăng xe, phương tiện cho cán bộ quản lý (05 người x 02 chuyến)	Người	5	200.000	05 người x 200.000đ x 02 chuyến	2.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
5	Chi phí khác: Công tác điều hành, chỉ đạo, khai mạc, bế mạc					3.900.000	Theo thực tế

-	Công tác phí cho lãnh đạo chỉ đạo (Khai mạc, bế mạc...)	Người	06	200.000	06 người x 2 ngày x 200.000đ	1.200.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Xăng xe (02 chuyến x 02 xe)	Chuyến	04	300.000	04 chuyến x 300.000đ	1.200.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Nước uống cho đại biểu, khách mời tham dự	Ngày	5	300.000	Trọn gói	1.500.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
6	Chi phí mua các sản phẩm OCOP mời dùng thử; giới thiệu, làm quà tặng đại biểu.	Hội chợ	01	15.000.000	01 hội chợ x 15.000.000,đ	15.000.000	Theo thực tế

BIỂU 7: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Diễn giải	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng					264.000.000	Dự toán tính bình quân, thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, định mức thực tế.
I	Chi mua vật tư văn phòng, dụng cụ, thiết bị					24.000.000	
1	Mua vật tư văn phòng phẩm	Năm	12	1.000.000	12 tháng x 1.000.000đ	12.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
2	Công cụ dụng cụ phục vụ chuyên môn	Tháng	12	1.000.000	12 tháng x 1.000.000đ	12.000.000	Theo báo giá đơn vị cung cấp
II	Chi khác: (Phục vụ chuyên môn, làm việc với các đoàn tham quan; tham dự hội nghị trong và ngoài tỉnh; quảng bá sản phẩm...)	Tháng	12	20.000.000	12 tháng x 20.000.000đ	240.000.000	<i>Theo thực tế</i>